TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HS-ST
Ngày 02 / 8 / 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Hậu;

Ông Mai Châu Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T (C), sinh ngày 26/8/1999, tại thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: số A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc P (đã chết) và bà Vũ Thị T (Ngô Thị T); chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo được tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1973; địa chỉ: số B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Thế K, sinh năm 1999; địa chỉ: số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Ông Chương Thanh P, sinh năm 1975; địa chỉ: số C, khóm T, phường M,

thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị T (Ngô Thị T), sinh năm 1977; địa chỉ: số A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2017, Trần Ngọc T cùng mẹ ruột là Vũ Thị T thuê phòng số 5, nhà trọ T của bà Nguyễn Thị Hồng T ở khóm Đ, phường M, thành phố L để ở. Khoảng 06 giờ ngày 19/7/2017, T đi qua phòng ngủ của bà T thấy cửa phòng không đóng, trên bàn có để chiếc máy tính xách tay, hiệu Acer màu đen đang sạc pin nên nảy sinh ý định lấy trộm. Thực hiện ý định này, T vào lấy trộm chiếc máy tính đem về phòng trọ của T cất giấu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Thế K là bạn của T đến phòng trọ chơi nên T nhờ K chở T đem máy tính đến cửa hàng mua bán điện thoại T ở khóm T, phường M bán cho ông Chương Thanh P với giá 700.000 đồng. Đến ngày 21/7/2017, ông P bán lại máy tính này cho người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 900.000 đồng.

Ngày 21/7/2017, bà T phát hiện mất trộm máy tính xách tay nên đến Công an phường M trình báo.

Kết luận định giá số 1303/KL-HĐ ngày 14/8/2017 của Hội đồng Định giá trong tố tụng hình sự, xác định máy tính xách tay hiệu Acer Aspire, trị giá 4.360.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 03 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Bị hại bà Nguyễn Thị Hồng T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vũ Thị T cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra. Bên cạnh đó, bà T xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ đối với bị cáo; yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Việc xác định người bồi thường theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bà T chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, đề nghị xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị công nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường thiệt hại giữa bà T với bị cáo, bà T; buộc bị cáo liên đới với bà T bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Long Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Trần Ngọc T khai nhận, bị cáo cùng bà Vũ Thị T (mẹ bị cáo) thuê phòng số 5, nhà trọ T của bà Nguyễn Thị Hồng T để ở. Khoảng 06 giờ ngày 19/7/2017, bị cáo đi qua phòng ngủ của bà T, thấy cửa phòng mở nên nảy sinh ý định tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đến cửa phòng, bị cáo thấy 01 máy tính xách tay, hiệu Acer màu đen đang sạc pin được đặt trên bàn cách cửa phòng khoảng 50cm nên chiếm đoạt mang về phòng trọ của bị cáo cất giấu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, do anh Nguyễn Thế K đến nơi bị cáo ở nên bị cáo nói dối nhờ anh K chở đi sửa máy vi tính. Khi anh K chở bị cáo đến cửa hàng mua bán điện thoại T, bị cáo bán máy vi tính bị chiếm đoạt cho ông Chương Thanh P với giá 700.000 đồng. Bị cáo sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân hết.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/6/2018 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L lập; lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng T về việc phát hiện bị mất 01 máy tính xách tay hiệu Acer vào khoảng 09 giờ ngày 21/7/2017 nên báo Công an phường M. Khi Công an mời làm việc, bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt máy tính xách tay của bà T; lời khai của anh Nguyễn Thế K về việc có chở bị cáo đến cửa hàng mua bán điện thoại T để bị cáo sửa chữa máy vi tính do được bị cáo nhờ; lời khai của ông Chương Thanh P (chủ cửa hàng mua bán điện thoại T) về việc có mua máy tính xách tay từ bị cáo với giá 700.000 đồng vào khoảng 18 giời 30 ngày 19/7/2017 nhưng ông P đã bán lại máy tính xách tay đó cho người không rõ họ tên, địa chỉ vào ngày 21/7/2017 với giá 900.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện chủ sở hữu sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà T.

Kết luận định giá tài sản số 1303/KL-HĐ ngày 14/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L, xác định máy tính xách tay hiệu Acer Aspire bị chiếm đoạt trị giá 4.360.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng cửa phòng bà T không khóa, tài sản không có người trông giữ, nhanh chóng mang tài sản đi cất giấu, nói dối về nguồn gốc tài sản khi vận chuyển, tiêu thụ và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng đối với con người. Để sở hữu được tài sản, người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc và trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên trên 16 tuổi nên cần quyết định hình phạt bằng ¾ mức phạt tù mà điều luật quy định theo khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, chấp nhận đề xuất của Kiểm sát viên, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, anh K đã có hành vi chở bị cáo đi bán máy tính xách tay bị chiếm đoạt; ông P đã có hành vi mua máy tính xách tay bị chiếm đoạt. Tuy nhiên, anh K, ông P không biết máy tính xách tay là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với anh K, ông P là phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo, bà T chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa thành niên (trên 15 tuổi). Vì vậy, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng dựa trên tài sản mà bị cáo có. Trong trường hợp bị cáo không có tài sản hoặc có tài sản nhưng không đủ để bồi thường thì bà Vũ Thị T (mẹ của bị cáo) có trách nhiệm bồi thường phần còn thiếu cho bị hại theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Về biện pháp tư pháp, đối với số tiền chênh lệch từ việc mua bán máy tính xách tay của cửa hàng T, ông Chương Thanh P ngay tình trong việc mua bán máy tính xách tay, không biết tài sản mua bán do phạm tội mà có. Vì vậy, không buộc ông P giao nộp số tiền chênh lệch từ việc mua bán máy tính xách tay vào ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T (C) phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Trần Ngọc T (C): *06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo*. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án 02/8/2018 (ngày hai tháng tám năm hai nghìn không trăm mười tám).

Giao bị cáo Trần Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Ngọc T bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng T *3.000.000 (ba triệu) đồng*.

Trong trường hợp bị cáo Trần Ngọc T không đủ tài sản để bồi thường thì bà Vũ Thị T (mẹ của bị cáo) có trách nhiệm bồi thường phần còn thiếu cho bà Nguyễn Thị Hồng T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Vũ Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Thế K, ông Chương Thanh P là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an TP. L;
- CQTHAHS Công an TP. L;
- CQĐT Công an TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. L;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình